TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2019/DS-ST
Ngày: 15/11/2019
"*V/v Tranh chấp*
*hợp đồng vay tài sản***"**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Ngô Anh Tuấn
2/ Ông Nguyễn Nam Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỷ, cán bộ Tòa án huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lư Ngọc Qúi, Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/2019/TLST-DS ngày 17/7/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐST-DS, ngày 14/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2019/QĐDS-ST ngày 30/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: vợ chồng ông Võ C, sinh năm 1964
Bà Trịnh Thị E, sinh năm 1963
Địa chỉ: thôn L, xã C1, huyện T1, tỉnh Ninh Thuận

Bị đơn: vợ chồng ông Trần Thanh A, sinh năm 1973
Bà Nguyễn Thị Tâm D, sinh năm 1977
Địa chỉ: xóm 7, thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận
Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn

Nhân chứng: bà Trần Thị Y, sinh năm 1972
Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong vợ chồng ông Võ C và bà Trịnh Thị E trình bày:

Vợ chồng ông bà làm nghề thu mua hải sản do quen biết trong quá trình làm ăn nên vợ chồng ông Trần Thanh A và bà Nguyễn Thị Tâm D đặt vấn đề mượn tiền của vợ chồng ông bà. Vì tin tưởng nên ngày 15/3/2019 (âm lịch) vợ chồng ông bà đã cho vợ chồng ông A và bà D mượn số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), việc mượn tiền có làm giấy tay hai bên cùng ký vào, thời hạn mượn từ ngày 15/3/2019 (âm lịch) đến ngày 15/5/2019 (âm lịch). Mục đích cho mượn để vợ chồng ông A bán hải sản cho vợ chồng ông, không có lãi suất. Sau khi mượn đến hạn trả

tiền thì vợ chồng ông A không thanh toán tiền cho vợ chồng ông bà, gọi điện thoại thì không bắt máy. Ông bà đã vào xã H để tìm ông A và bà D nhưng ông A và bà D hiện không có mặt ở địa phương.

Ông bà làm đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong yêu cầu vợ chồng ông Trần Thanh A và bà Nguyễn Thị Tâm D phải trả cho ông bà số tiền đã mượn là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Sau khi ông bà khởi kiện thì ngày 20/7/2019 (âm lịch) đại diện gia đình ông A bà D có ra nhà ông bà cầm theo số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) của vợ chồng ông A gửi về trả cho ông bà nên vợ chồng bà có làm giấy tay nhận số tiền 40.000.000đ và còn nợ lại số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Từ đó đến nay vợ chồng ông A vẫn không trả tiền số tiền còn lại cho ông bà.

Tại phiên hôm nay ông bà xin thay đổi số tiền khởi kiện là yêu cầu vợ chồng ông Trần Thanh A và bà Nguyễn Thị Tâm D phải trả cho ông bà số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Đối với vợ chồng bị đơn ông Trần Thanh A và bà Nguyễn Thị Tâm D, sau khi Tòa án thụ lý vụ án ngày 17 tháng 7 năm 2019, qua xác minh tại Công an xã H thì vợ chồng ông A và bà D đi đâu địa phương không rõ nên Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn biết về việc khởi kiện của vợ chồng ông Võ C và bà Trịnh Thị E bằng hình thức niêm yết tại nơi cư trú, tại Tòa án. Ngày 23 tháng 8 năm 2019 Tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 25 tháng 9 năm 2019 Tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai nhưng vợ chồng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Nhân chứng bà Trần Thị Y trình bày: việc vợ chồng ông Trần Thanh A và bà Nguyễn Thị Tâm D vay tiền của vợ chồng Võ C và bà Trịnh Thị E số tiền bao nhiêu và vay như thế nào thì bà không rõ. Nhưng vào ngày 20/7/2019 (âm lịch) mẹ của bà D đến nhà bà nói là vợ chồng ông A có nợ vợ chồng ông C ngoài C1, Ninh Thuận số tiền nợ là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nay vợ chồng ông A gửi về số tiền 40.000.000đ và nhờ bà đem ra C1 trả cho vợ chồng ông C.

Khi bà đến nhà vợ chồng ông C bà E thì vợ chồng ông C cũng nói là vợ chồng ông A vay của vợ chồng ông bà số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), nay trả số tiền 40.000.000đ sau khi nhận tiền bà E có làm một tờ giấy tay nhận số tiền 40.000.000đ còn nợ lại số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn: vợ chồng ông Võ C và bà Trịnh Thị E đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của bị đơn: tại biên bản xác minh ngày 23.7.2019 vợ chồng ông Trần Thanh A, sinh năm 1973, bà Nguyễn Thị Tâm D, sinh

năm 1977 trú tại xóm 7, thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận hiện nay không có mặt tại địa phương, hiện không rõ ở đâu nên vợ chồng ông Trần Thanh A và bà Nguyễn Thị Tâm D đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Vợ chồng ông Trần Thanh A và bà Nguyễn Thị Tâm D vắng măt tại phiên tòa ngày 30.10.2019, tại phiên tòa tòa hôm nay vợ chồng ông Trần Thanh A và bà Nguyễn Thị Tâm D tiếp tục vắng mặt không có lý do nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn vợ chồng ông Trần Thanh A và bà Nguyễn Thị Tâm D phải trả cho vợ chồng ông Võ C và bà Trịnh Thị E số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Vợ chồng ông Trần Thanh Tuấn và bà Nguyễn Thị Tâm Duyệt phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: theo yêu cầu khởi kiện của vợ chồng Võ C và bà Trịnh Thị E và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn vợ chồng ông Trần Thanh A và bà Nguyễn Thị Tâm D có nơi cư trú tại: xóm 7, thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện huyện Tuy Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; Tòa án đã tiến hành giao nhận các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có mặt tại nơi cư trú, đi đâu địa phương không biết và không rõ thời điểm trở về nên Tòa án đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của pháp luật (bằng hình thức niêm yết) nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên được coi là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự trước yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật; Đồng thời căn cứ trên cơ sở các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp

[2] Về nội dung vụ án: tại phiên tòa vợ chồng ông Võ C và bà Trịnh Thị E yêu cầu vợ chồng ông Trần Thanh A và bà Nguyễn Thị Tâm D phải trả số tiền đã mượn còn nợ là tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án:

- Giấy mượn tiền ngày 15/3/2019 có chữ ký của vợ chồng ông Võ C bà Trịnh Thị E và vợ chồng ông Trần Thanh A bà Nguyễn Thị Tâm D;
- Giấy viết tay thể hiện nội dung: ngày 20.7 (âm lịch) có gởi cho chị E C1 số tiền 40 chục triệu còn nợ lại 60 triệu chẵn. Dì E có nhận 40 triệu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng Võ C và bà Trịnh Thị E có cho vợ chồng ông Trần Thanh A và bà Nguyễn Thị Tâm D vay số tiền 100.000.000đ thể hiện qua giấy mượn tiền ngày 15/3/2019 (âm lịch) và vợ chồng ông A đã trả số tiền 40.000.000đ giấy nhận tiền ngày 20.7 (âm lịch). Việc này phù hợp với lời khai của nhân chứng bà Trần Thị Y đã xác định sự việc là vào ngày 20/7/2019 (âm lịch) bà có cầm số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) của vợ chồng ông A gửi về nhờ đem

đến nhà vợ chồng bà E ngoài C1, Ninh Thuận thanh toán nợ cho vợ chồng ông A, số tiền nợ là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), sau khi nhận số tiền 40.000.000đ bà E có làm giấy còn nợ lại số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Như vậy có căn cứ xác định vợ chồng ông A và bà D đã nhận đủ tiền số tiền vay nhưng khi đến thời hạn trả nợ vợ chồng ông A không thực hiện việc thanh toán nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó vợ chồng ông C và bà E khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông A và bà D phải hoàn trả số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi số tiền khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[3] Về phần án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2,4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Võ C và bà Trịnh Thị E.

2. Buộc vợ chồng Trần Thanh A và bà Nguyễn Thị Tâm D phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Võ C và bà Trịnh Thị E toàn bộ số tiền là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của vợ chồng ông Võ C, nếu vợ chồng ông Trần Thanh A chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: vợ chồng Trần Thanh A và bà Nguyễn Thị Tâm D phải nộp **3.000.000đ** án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Võ C và bà Trịnh Thị E số tiền **2.500.000đ** tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0026348 ngày 17/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- Lưu HS.

Thanh Nữ Kiều Oanh